Phụ trách công việc:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Chức Năng | Người Phụ Trách | Activity Bar chart | Danh sách BM và QĐ | Bảng yêu cầu-trách nhiệm | DFD mức 0 và 1 | DFD tổng quát  Và mô tả | Sequence diagram | Activity diagram | ERD | Use cases tông quát | Use case phân rã | Thiết kế phần mềm |
| 1 | Đăng nhập | Trung |  | x | x |  | x | x |  | x |  | x | x |
| 2 | Xuất danh sách(tài khoản, khách hàng, phiếu nhập, thống kê) | Trường | x | x | x | x |  | x | x |
| 3 | Phân quyền | Vi | x | x | x | x |  | x | x |
| 4 | Quản lý nhân viên | Tuấn | x | x | x | x |  | x | x |
| 5 | Quản lý tài khoản | Tuyền |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Quản lý khách hàng | Viễn | x | x | x | x |  | x | x |
| 7 | Quản lý sản phẩm | Trường | x | x | x | x |  | x | x |
| 8 | Quản lý loại sản phẩm | Tuyền |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Quản lý nhập hàng | Trân |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Thống kê | Trân |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Quản lý hóa đơn | Vũ |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Quản lý nhà cung cấp | Tuấn | x | x | x | x |  | x | x |
| 13 | Quản lý chương trình khuyến mãi | Vi | x | x | x | x |  | x | x |
| 14 | Bán hàng | Viễn | x | x | x | x |  | x | x |
| 15 | In hóa đơn bán hàng | Vũ |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Xuất phiếu nhập hàng | Trung | x | x | x | x |  | x | x |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

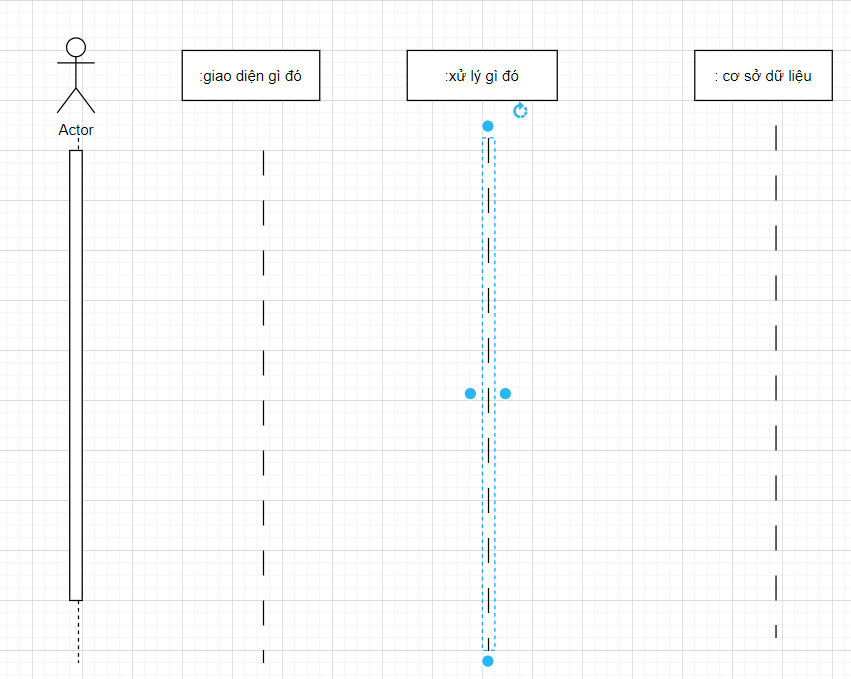
(Đánh dấu **X** vào công việc cá nhân hoàn thành)

Các mẫu cần thực hiện theo:

Mô tả use case

|  |
| --- |
| Tóm tắt: |
| Dòng sự kiện chính: |
| Dòng sự kiện phụ: |
| Tiền điều kiện: |
| Hậu điều kiện: |

Sequence diagram



**\*Các phần trong Quyển báo cáo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lời mở đầu | Tuyền |  |
| Mô tả yêu cầu, mục tiêu của Đồ án CNPM | Trường |  |
| **Chương 1:Tổng quang về đề tài.** |  |  |
| 1/ Tên đề tài. |  |  |
| 2/ Lý do chọn đề tài | Trân |  |
| 3/ Mục tiêu của đề tài | Vũ |  |
| 4/ Phạm vi của đề tài  a/ Về dữ liệu:  b/ Về phần xửa lý:  c/ Về giao diện: | Vi | xong |
| 5/ Ý nghĩa của đề tài  a/Người sử dụng:  b/Người lập trình: | Vũ |  |
| **Chương 2:Khảo sát hiện trạng** |  |  |
| 1/ Tổng quan về cửa hàng | Tuấn |  |
| 2/Hiện trạng tổ chức:  a/ Xác định và phân tích yêu cầu  b/ Chức năng và nghiệp vụ của từng bộ phận  c/ Hiện trạng nghiệp vụ  d/ Hiện trạng tin học | Trung |  |
| Trung |  |
| Viễn |  |
| Tuyền |  |
| 3/Xác định và thu thập yêu cầu  a/ Xác định vấn đề:  b/Yêu cầu chức năng:  c/Yêu cầu phi chức năng | Tuấn |  |
| Trường |  |
| Viễn |  |
| **Chương 3: Phân tích hệ thống** |  |  |
| 1/ Activity barchart |  |  |
| 2/Danh sách biểu mẫu và quy định |  |  |
| 3/Bảng yêu cầu-trách nhiệm của từng chức năng |  |  |
| **Chương 4: Phân tích hệ thống(tiếp theo)** |  |  |
| Sơ đồ ERD |  |  |
| Sơ dồ use case |  |  |
| Đặc tả Use case |  |  |
| Sơ đồ DFD mức 0 |  |  |
| Sơ đồ DFD mức 1 |  |  |
| Sơ đồ tổng quát từng chức năng |  |  |
| Sequence diagram từng chức năng |  |  |
| Activity diagram |  |  |
| **Chương 5: Thiết kế Phân mềm** |  |  |
| Thiết kê giao diện |  |  |
| Thiết kế xử lý |  |  |
| Thiết kế dữ liệu |  |  |
| **Chương 6: Phần mềm** |  |  |
| Hướng dẫn cài đặt phần mềm |  |  |
| Giao diện từng chức năng |  |  |